

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2019.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái, ông Lê Khắc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 03/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm X, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt lần thứ 2 (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/7/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Ngô Thị G trình bày như sau:

Chị Ngô Thị G và anh Lê Quang P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh P không chịu khó làm ăn nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 10/2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau; cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị G nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân thời gian khá lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc giải quyết cho chị G được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị G có 01 người con chung tên là Lê Thị Uyên N, sinh ngày 06/11/2007, hiện do chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị G đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh của cháu Lê Thị Uyên N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho Lê Quang P biết việc chị G xin ly hôn anh, nhưng quá thời hạn luật định anh P không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 04/9/2019, ông Lê Quang T cũng như Ủy ban nhân dân xã L xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh P như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc, đồng thời khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh P là có thật, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay.

Tại phiên tòa ngày 20/9/2019, anh P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 27/9/2019, tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị G và anh Lê Quang P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/6/2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị G và anh P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh P không chịu khó làm ăn nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 10/2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau; cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Bởi vậy, đã có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng của chị G và anh P đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện nay cháu Lê Thị Uyển N, sinh ngày 06/11/2007 đang ở với chị G, quá trình làm việc tại Tòa án cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu N phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn, hợp tình, hợp lý nên cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị G rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị G trình bày đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị G. Chị G được ly hôn anh Lê Quang P.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Lê Thị Uyên N, sinh ngày 06/11/2007 cho chị Ngô Thị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Quang P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Ngô Thị G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006606, ngày 11/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã H, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang